

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày 18/ 4/ 2019

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Ôn
2. Bà Bạc Thị Kiên

- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thúy Dần - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ

- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Hoàn - Kiểm sát viên

Ngày 18/4/2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 32/2018/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXX-ST ngày 05/03/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 03 ngày 21/3/2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị K - Sinh năm 1978. (Có mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Phạm Xuân H, sinh năm 1974

Đều trú tại: Thôn C2, Y, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17/12/2018 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Nguyễn Thị K (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Phạm Xuân H tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ vào ngày 16/10/1998, hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc từ ngày cưới đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tôi phát hiện anh H có thái độ không hài lòng với vợ không tu chí làm ăn, theo bạn bè đi chơi về rất muộn và bị nghiện chất ma túy. Tôi và gia đình đã khuyên bảo anh H từ bỏ ma túy nhưng anh H không nghe vẫn tái nghiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý cũng như việc phát triển của con tôi. Năm 2015 anh H có đi uống methadone từ đó anh trở nên ghen tuông vô cớ khóa cửa và cầm dao đe dọa và bạo hành tôi. Nhiều lần anh H không cho tôi đi làm, cuộc

sống trở nên mất tự do tôi không thể chịu đựng được nữa mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tôi xét thấy tình cảm giữa tôi và chồng không còn cuộc hôn nhân không có hạnh phúc nên tôi viết đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Chị K khai vợ chồng có 02 con chung là: Phạm Quốc B, sinh ngày 24/7/1999, cháu đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa giải quyết và Phạm Anh T, sinh ngày 17/8/2008 sau khi ly hôn chị K xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 18/12/2018, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Đ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị K cho anh H biết. Giao thông báo thụ lý vụ án cho anh H nhận. Nhưng anh H cố tình không nhận và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết thông báo thụ lý vụ án, anh H không hợp tác và cũng không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập nhiều lần và tiến hành niêm yết thông báo kiểm tra chứng cứ và hòa giải. Giao thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án tại nhà anh Phạm Xuân H. Nhưng anh H vẫn không đến Tòa. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo qui định của bộ luật tố tụng dân sự và luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Ngày 05/3/2019 Tòa án nhân dân huyện Điện B đã ra quyết định xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho anh H nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên Tòa. Và tiến hành niêm yết quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Phạm Xuân H đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chấp nhận cho chị K được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Về tài sản không yêu cầu Tòa giải quyết; Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Bị đơn có địa chỉ tại C2, Y, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ. Tòa án nhân dân huyện Đ đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177; 179/ BLTTDS, việc anh H không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; 72/BLTTDS là do anh H đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Cho nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS năm 2015. HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] .Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Phạm Xuân H tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh H có sử dụng chất ma túy không quan tâm đến vợ con, không những thế anh H còn có biểu hiện bạo hành, đe dọa, đánh đập chị K dẫn đến mất lòng tin với nhau, chị đã ly thân và đi làm thuê trên thành phố hiện không còn sống cùng nhà với anh H. Bản thân anh H đi uống thuốc methadone nhưng anh vẫn không từ bỏ được ma túy dẫn đến mâu thuẫn kéo dài. Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân do Tòa án thu thập cho thấy anh H và chị K về chung sống với nhau một thời dài gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh H không tu chí làm ăn, lại mắc nghiện chất ma túy, hiện đang được điều trị uống thuốc methadone tại xã T. Bản thân chị K xét thấy tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị K và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị lại sống ly thân nhiều năm nay, như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị K cùng con. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Khuyên xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Phạm Xuân H

[3] Về con chung: Chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là: Phạm Anh T sinh ngày 17/8/2008 và theo nguyện vọng của cháu T; Xét thấy hiện tại chị Khuyên mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cháu hiện còn nhỏ là con gái cần mẹ chăm sóc nuôi dưỡng. Theo xác nhận của UBND xã T anh H bị nghiện chất ma túy, anh H thường xuyên vắng nhà không có thời gian chăm sóc con. Như vậy không đảm bảo sự phát triển của trẻ. HĐXX căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận nguyện vọng của chị K. Giao con cho chị K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh H có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị Khuyên.

[5] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 81, 82,83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Phạm Xuân H
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị K được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Anh T sinh ngày 17/8/2008 cho đến khi cháu thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ-ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Chấp nhận việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản của chị Nguyễn Thị K.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị K đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0003054 ngày 18/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. (chị K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện ĐB;
- Chi cục THA huyện ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Yên
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên

